

MỘT SỐ TRỞ NGẠI TRONG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI CỦA NGƯỜI BRU-VÂN KIỀU Ở VÙNG BIÊN GIỚI TỈNH QUẢNG BÌNH¹

TS. Nguyễn Công Thảo

Viện Dân tộc học

Email: nguyencongthao1977@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích các yếu tố chính được coi là trở ngại đối với việc phòng chống thiên tai của người Bru-Vân Kiều ở xã Kim Thủy, một xã vùng biên giới thuộc tỉnh Quảng Bình. Các yếu tố này bao gồm: nguồn lực tài chính, đất đai và chính sách hỗ trợ của chính quyền địa phương. Kết quả nghiên cứu thực địa tại hai thôn Mít Cát và Hà Lọc, xã Kim Thủy cho thấy người Bru-Vân Kiều không thể đưa ra các biện pháp phòng chống thiên tai một cách hiệu quả, bền vững do tỷ lệ nghèo vẫn rất cao, tình trạng thiếu đất ở và đất sản xuất vẫn phổ biến trong khi chính sách hỗ trợ mà họ nhận được chưa kịp thời.

Từ khóa: Thiên tai, biến đổi khí hậu, thích ứng với thiên tai dựa vào cộng đồng, người Bru-Vân Kiều.

Abstract: The article focuses on analysing the main factors considered to be obstacles to Bru-Van Kieu's natural disaster prevention in Kim Thuy, a border commune in Quang Binh province. These factors include financial resources, land, and support policies of local authorities. Fieldwork results in Mit Cat and Ha Lec villages, Kim Thuy commune show that the Bru-Van Kieu cannot take effective and sustainable natural disaster prevention measures because the poverty rate is still very high, the shortage of residential and productive land is still common, and the support policies they receive are not timely.

Keywords: Natural disasters, climate change, community-based natural disaster adaptation, Bru-Van Kieu ethnicity.

Ngày nhận bài: 7/3/2024; ngày gửi phản biện: 13/3/2024; ngày duyệt đăng: 22/4/2024.

Đặt vấn đề

Nghiên cứu về thiên tai là một chủ đề được nhiều nhà khoa học quan tâm trong vài thập kỷ trở lại đây. Theo dự báo, tình hình thiên tai có xu thế ngày càng khó lường và mức độ thiệt

¹ Bài viết là kết quả của đề tài cấp Bộ: “Vấn đề phòng chống thiên tai của người Bru - Vân Kiều ở vùng biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Quảng Bình”, do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Nguyễn Công Thảo làm chủ nhiệm, năm 2023 - 2024.

hại ngày càng lớn trong phạm vi toàn cầu cũng như ở Việt Nam. Năm 2023, cả nước có hơn 5.331 sự cố, thiên tai, gây thiệt hại gần 8.300 tỷ đồng. Đáng lưu ý là các loại hình thiên tai diễn ra hết sức đa dạng với 21 trên tổng số 22 loại hình thiên tai, trong đó hạn hán, rét đậm, mưa lớn kéo dài, bão, lụt, động đất là những loại thiên tai điển hình, đặc biệt gây thiệt hại lớn ở các tỉnh miền Trung (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2024).

Đã có nhiều nghiên cứu dưới góc độ khoa học xã hội tập trung vào tìm hiểu năng lực và phương thức phòng chống thiên tai ở cấp độ cộng đồng. Nguyễn Văn Việt (2019) đã mô tả các loại hình thiên tai từ biển ở Việt Nam và phân tích, đánh giá các mức độ rủi ro từ thiên tai. Nghiên cứu này cho rằng trong bối cảnh hiện nay, việc phòng chống, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng vẫn là mô hình hết sức quan trọng và hiệu quả. Tuy nhiên, để mô hình này được bền vững và phát huy tối đa, các cộng đồng địa phương cần được trang bị những kiến thức, phương tiện cần thiết. Một nghiên cứu của Sơn Thanh Tùng và cộng sự (2020) đã chỉ ra rằng mạng lưới xã hội đóng vai trò quan trọng trong phòng chống thiên tai ở cấp độ cộng đồng. Gia đình luôn đóng vai trò quan trọng nhất, theo sau là hàng xóm. Về phía chính quyền, đoàn thể, Hội Phụ nữ nổi lên với vai trò nổi bật nhất.

Qua nghiên cứu về thiên tai và tác động của thiên tai đến đời sống các dân tộc thiểu số (DTTS) tại chỗ ở Tây Nguyên, nghiên cứu của Ngô Quang Sơn đã nhận thấy thực trạng tác động tiêu cực của thiên tai ngày càng gia tăng, trong khi nguồn lực của người dân ngày càng hạn chế. Điều đó khiến năng lực phòng chống, ứng phó với thiên tai của người dân không đủ để xây dựng những chiến lược dài hạn, bền vững. Giải pháp tối ưu cần thực hiện là xây dựng mô hình chia sẻ thông tin liên quan đến thiên tai, tập huấn những tri thức, kỹ năng cần thiết để nâng cao khả năng dự báo, ứng phó cho người dân (Ngô Quang Sơn, 2019). Điểm chung của hai nghiên cứu này là nhấn mạnh đến sự kết hợp của những hỗ trợ từ bên ngoài với nguồn lực tại chỗ trong quá trình phòng chống và ứng phó với thiên tai. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu cho thấy sau nhiều thập kỷ ứng phó, người dân ở khu vực miền Trung đã có những tri thức quý giá nhằm hạn chế tác động tiêu cực từ hạn hán tới mùa vụ thông qua việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tìm kiếm các nguồn nước thay thế (Le Thi Hoa Sen, Dang Thu Phuong, 2017).

Đa dạng hoạt động sinh kế là phương thức ứng phó phổ biến của nhiều cộng đồng trong bối cảnh thiên tai diễn ra ngày càng khó lường. Phương thức này được cho là hợp lý bởi nó giúp người dân giảm được rủi ro, có được nhiều nguồn thu nhập khác nhau. Khi nguồn thu này bị ảnh hưởng, có thể bù đắp, thay thế bởi nguồn thu khác. Đi làm ăn xa có khuynh hướng trở thành một xu thế ở nhiều xã vùng biên giới như trường hợp xã Lâm Đốt, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nguyễn Công Thảo, 2023b). Tuy nhiên, so với nam giới, phụ nữ ít có lựa chọn hơn (Le Thi Hong Phuong và cộng sự, 2017). Sự thụ động của nữ giới cũng một phần bị ảnh hưởng bởi thực tế các chính sách, chiến lược phòng chống thiên tai của Nhà nước chưa quan tâm đầy đủ đến khác biệt về giới và nhiều gánh nặng mà phụ nữ ở vùng nông thôn

Việt Nam phải đảm nhiệm (Ylipää và cộng sự, 2019). Tuy nhiên, khó tìm thấy một biện pháp riêng lẻ nào có thể giúp người dân phòng chống thiên tai một cách toàn diện. Chính vì thế, Bùi Quang Bình (2021) cho rằng cần phải có chiến lược phòng chống thiên tai cụ thể theo từng lĩnh vực sản xuất và để đảm bảo tính hiệu quả của những chiến lược ấy cần có sự kết hợp nguồn lực đến từ nhiều phía khác nhau. Những chiến lược này cũng cần dựa trên thực tế và xác định những khó khăn, thách thức cụ thể.

Khả năng phòng chống, ứng phó và phục hồi sau thiên tai của người dân thường dựa vào 4 yếu tố, bao gồm: *bản chất của thiên tai; bối cảnh văn hóa, xã hội trước khi thiên tai diễn ra; đặc điểm địa lý; và chính sách phục hồi của chính quyền địa phương* (Gailard, 2007). Bài viết này cung cấp thêm một cách luận giải khi cho rằng hoạt động phòng chống thiên tai ở cấp độ cộng đồng chỉ hiệu quả khi người dân có đầy đủ nguồn lực cần thiết, trong đó *nguồn lực tài chính, đất đai và chính sách hỗ trợ từ chính quyền địa phương* là các yếu tố đóng vai trò quan trọng bậc nhất đối với các DTTS cư trú ở vùng miền núi, vùng biên giới. Xuất phát từ quan điểm đó, bài viết này tập trung xem xét 3 nguồn lực này ở người Bru-Vân Kiều ở huyện Kim Thủy, tỉnh Quảng Bình và phân tích xem đó có phải là những trở ngại mà người Bru-Vân Kiều phải đối mặt trong quá trình phòng chống thiên tai trong vài năm trở lại đây hay không. Việc nhận diện những trở ngại này sẽ góp phần giúp đưa ra các khuyến nghị nhằm tăng cường năng lực phòng chống thiên tai cho người dân, giảm thiểu thiệt hại và phát huy tối đa nguồn lực tại chỗ. Tư liệu chính trong bài viết được thu thập qua thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu với lãnh đạo huyện, xã, thôn bản và người dân trong đợt nghiên cứu thực địa vào tháng 3/2023 tại hai thôn Mít Cát và Hà Lọc thuộc xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Đây là một trong 2 xã ở vùng biên giới Việt Nam - Lào của huyện, phải đối mặt với nhiều loại hình thiên tai khác nhau trong những năm gần đây.

1. Giới thiệu về điểm nghiên cứu

1.1. Điều kiện tự nhiên

Huyện Lệ Thủy có 26 xã, thị trấn, trải dài trên một dải đất hẹp, trong đó các xã vùng cao, vùng biên giới nằm ở phía tây của tỉnh Quảng Bình, địa hình thấp dần về phía đông với các xã nằm ở vùng giữa, đồng bằng và ven biển, huyện Lệ Thủy có khoảng 30km đường bờ biển ở phía đông và gần 43km đường biên giới (thuộc địa bàn 2 xã Kim Thủy và Lâm Thủy) giáp với Lào. Huyện có con sông lớn và dài nhất là sông Kiến Giang (gần 60km), ngoài ra cũng có nhiều sông, suối nhỏ khác. Đặc điểm khí hậu nơi đây phân thành 2 mùa chính: mùa khô từ tháng 4 đến tháng 9; mùa mưa từ tháng 10 đến tháng 12 hàng năm, là thời điểm hay xảy ra bão lụt. Khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 3 có nền nhiệt thấp nhất và mưa rải rác. Toàn huyện có tổng diện tích hơn 140.000ha, đất lâm nghiệp chiếm gần 78% tổng diện tích tự nhiên của huyện, trong đó gần 70% diện tích rừng là rừng sản xuất trồng cây lấy gỗ. Diện tích đất nông nghiệp chiếm chưa đến 20% tổng diện tích và nằm rải rác dọc theo các con sông, suối.

Xã Kim Thủy nằm ở phía tây nam của huyện Lệ Thủy, có 12 thôn bản và khoảng 12km đường biên giới giáp với Lào. Theo số liệu cuối năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Kim Thủy, tổng diện tích tự nhiên của xã là 485,67km², chiếm 34,29% diện tích tự nhiên của toàn huyện Lệ Thủy. Địa hình chủ yếu là đồi núi, sông, suối. Đây là thượng nguồn của sông Kiến Giang. Điểm đặc biệt ở dòng sông Kiến Giang là dòng chảy theo hướng đông bắc (thay vì đông nam như đa số các dòng sông khác), nên còn được người dân ở đây gọi là sông Nghịch Hà. Con sông này cùng hợp lưu với sông Long Đại ở cửa sông Nhật Lệ trước khi đổ ra biển Đông. Xã có độ che phủ rừng hơn 79,7%. Cùng với các xã Lâm Thủy, Sơn Thủy, Ngân Thủy, độ cao trung bình so với mực nước biển của xã Kim Thủy là 600m - 800m, độ dốc dao động trong khoảng 20° - 25°. Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã thấp, chiếm xấp xỉ 0,7% tổng diện tích đất tự nhiên, trong khi diện tích đất rừng các loại chiếm trên 80% (bao gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất). Thôn Mít Cát nằm ven sông Long Đại, sát đường mòn Hồ Chí Minh và chân núi, có địa hình thấp. Thôn Hà Lọc nằm ở địa hình cao hơn và khá xa núi. Khoảng cách đến trung tâm xã từ thôn Mít Cát là 18km, từ thôn Hà Lọc là 7km.

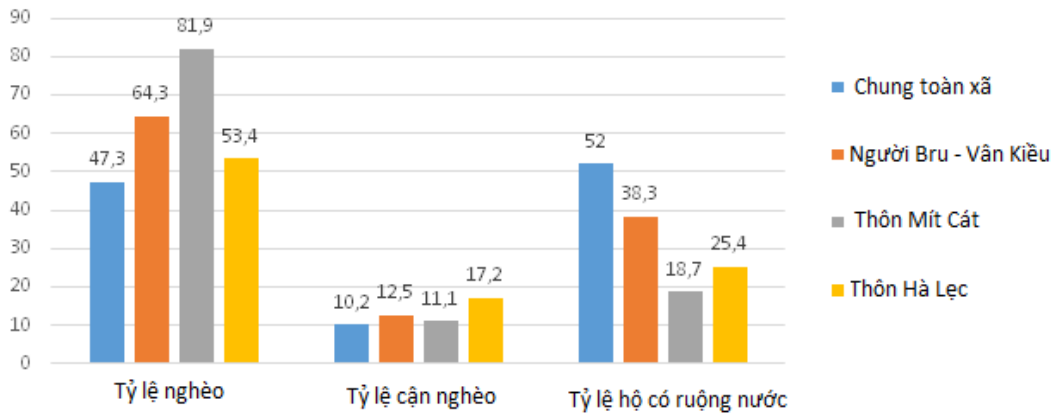
1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Toàn tỉnh Quảng Bình có 15 xã DTTS trong đó 11 xã thuộc khu vực 3; 2 xã thuộc khu vực 2 và 2 xã thuộc khu vực 1. Ở huyện Lệ Thủy, người Bru-Vân Kiều tập trung chủ yếu ở 3 xã là: Ngân Thủy, Kim Thủy và Lâm Thủy, trong đó đông nhất ở xã Kim Thủy. Hoạt động kinh tế chính của người dân trên địa bàn huyện bao gồm: đánh bắt thủy sản, trồng lúa, chăn nuôi và khai thác lâm sản. Hoạt động đánh bắt thủy sản và trồng lúa phát triển mạnh ở các xã vùng đồng bằng, ven biển, nơi có đa số người Kinh sinh sống. Trong khi đó, với hai xã vùng biên giới là Kim Thủy và Ngân Thủy, do diện tích đất nông nghiệp thấp, địa hình chủ yếu là đồi núi nên hoạt động sinh kế chính là chăn nuôi trâu, bò, trồng rừng và khai thác lâm sản. Tỷ lệ nghèo và cận nghèo toàn huyện năm 2022 là xấp xỉ 5,5% và 4%.

Xã Kim Thủy gồm 12 thôn/bản bao gồm: Cây Bông, Cồn Cùn, Khe Khé, Bang, Chuôn, An Bai, Hà Lọc, Mít Cát, Trung Đoàn, Ho Rum, Cỏ Kiềng, An Mã, trong đó có 10 thôn/bản thuộc diện đặc biệt khó khăn khu vực 3. Trên địa bàn xã có 2 dân tộc chính là người Bru-Vân Kiều (chiếm 63,8%) và người Kinh (chiếm khoảng 34%). Tính đến cuối năm 2022, toàn xã có 1.256 hộ với 4.689 người, trong đó có 780 hộ với 2.994 khẩu là người Bru-Vân Kiều cư trú ở 10 thôn/bản. Lúa là cây lương thực chính, chủ yếu chỉ được trồng 1 vụ đông xuân trong năm với khoảng 81ha, tiếp sau là cây sắn với khoảng 65ha. Bên cạnh cây lương thực, cây cao su là loại cây trồng có diện tích lớn nhất với trên 220ha. Tính đến cuối năm 2022, trên địa bàn xã có khoảng 1.200 con trâu bò, gần 350 con lợn, 316 con dê. Tỷ lệ nghèo và cận nghèo của hai thôn khảo sát là Mít Cát và Hà Lọc cao hơn nhiều so với mức trung bình của huyện Lệ Thủy và xã Kim Thủy. Hai thôn Mít Cát và Hà Lọc có diện tích cây lương thực thấp hơn nhiều so với mức trung bình toàn xã. Đây cũng là hai thôn có dân số hầu hết là người Bru-Vân Kiều và tỷ lệ nghèo cao nhất, sinh kế của họ vẫn phụ thuộc nhiều vào việc

khai thác lâm sản như: măng, mây, mật ong. Tính đến cuối năm 2022, thôn Mít Cát có 80 hộ (5 hộ người Kinh) thì có tới 59 hộ nghèo (đều là người Bru-Vân Kiều), chiếm khoảng 73%. Tỷ lệ này thấp hơn ở thôn Hà Lạc với 23 hộ nghèo trong tổng số 59 hộ, chiếm xấp xỉ 39% (xem biểu đồ 1).

Biểu đồ 1: Một vài chỉ số chính của xã Kim Thủy (%)



Nguồn: Ủy ban nhân dân xã Kim Thủy, 2023

1.3. Tình hình thiên tai ở điểm nghiên cứu

Quảng Bình là một trong những tỉnh phải hứng chịu nhiều thiên tai ở khu vực miền Trung. Trung bình mỗi năm có 2 - 3 đợt lũ và khoảng 3 năm lại có một đợt thiên tai nghiêm trọng xảy ra. Bão, lũ lụt, lũ quét, hạn hán là những loại hình thiên tai có ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất cũng như đời sống của người dân, đặc biệt vào các năm 2005, 2014, 2019 (Vũ Văn Doanh và cộng sự, 2020). Theo đánh giá của chính quyền địa phương, tình trạng sạt lở đất, ngập lụt, bị chia cắt với bên ngoài trong mùa mưa lũ thường xuyên diễn ra ở các địa phương này. Mùa lũ lụt thường diễn ra vào tháng 10, điển hình là trận lũ lịch sử năm 2020. Tuy nhiên, tình trạng thiên tai diễn ra bất thường cũng được ghi nhận như trường hợp mưa lớn bất thường vào tháng 3 và tháng 4/2022. Trong khi đó, hạn hán thường diễn ra vào tháng 4 hoặc tháng 7 và tháng 8, các cơn bão lớn thường diễn ra trong khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 10 hàng năm.

Do địa hình của tỉnh có độ dốc cao từ tây sang đông, khi mưa kéo dài dễ gây đến ngập lụt, sạt lở đất và ảnh hưởng lớn đến sinh kế của người dân. Theo số liệu của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, chỉ tính riêng trong năm 2020 có 6 cơn bão và 5 đợt lũ đã làm hư hại hoàn toàn 104 ngôi nhà, hư hại một phần 106.220 ngôi nhà; khiến 25 người chết, 197 người bị thương; tổng thiệt hại ước tính 3.676 tỷ đồng. Các địa phương thường chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ thiên tai nhất bao gồm các xã: Đồng Hóa (huyện Tuyên Hóa), Dân Hóa (huyện Minh Hóa), Thượng Hóa (huyện Minh Hóa), Ngân Thủy, Kim Thủy, Lâm Thủy (huyện Lệ Thủy). Tuyên Hóa, Bố Trạch và Lệ Thủy là 3 huyện thường chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi

các loại hình thiên tai, trong đó Tuyên Hóa đứng đầu ở mức độ thiệt hại (Vũ Văn Doanh và cộng sự, 2020).

Trận lụt lịch sử năm 2020 ở tỉnh Quảng Bình nói chung, huyện Lệ Thủy nói riêng gây ra thiệt hại nghiêm trọng trên nhiều phương diện. Theo đánh giá của người dân, ba loại hình thiên tai gây ra thiệt hại nhiều nhất là: bão, lũ lụt, hạn hán; mức độ thiệt hại của những loại hình thiên tai này có xu thế ngày càng tăng và điều đó phần nào được minh chứng qua số liệu thống kê về thiệt hại do bão theo các năm mà Ủy ban nhân dân xã Kim Thủy cung cấp cho tác giả trong quá trình nghiên cứu thực địa: Con bão số 10 năm 2013 tại thôn Hà Lạc có hơn 53ha cây keo bị gãy đổ, năm 2017, có khoảng 69,5ha keo bị ảnh hưởng và có 8 ngôi nhà bị tốc mái do mưa bão. Cũng trong năm 2017, thôn Mít Cát có 22 ngôi nhà bị tốc mái, 16ha bị ảnh hưởng (toàn xã có 267 nhà bị tốc mái, hơn 1.500ha keo bị gãy đổ). Chính quyền địa phương cho biết, đỉnh lũ năm 2020 lên đến mức 4,88m, vượt mức báo động 3 là 2,78m, vượt đỉnh lũ lịch sử trước đó năm 1992 là 1m. Tổng thiệt hại trên địa bàn huyện ước tính 1.000 tỷ đồng. Tại xã Kim Thủy, có đến 16ha đất ở bị bồi lấp, gần 100ha đất lúa bị ảnh hưởng (chiếm gần 30% diện tích đất nông nghiệp của xã). Có sự khác biệt về thiệt hại bởi thiên tai tại 2 điểm khảo sát. Đợt lũ tháng 10 năm 2020 khiến 2 ngôi nhà tại thôn Mít Cát bị sập, 18 ngôi nhà bị ngập sâu buộc phải di chuyển đến trường học. Đợt lũ năm 2020 cũng khiến thôn Mít Cát bị chia cắt hoàn toàn trong 15 ngày; dọc theo tuyến đường kết nối thôn với trung tâm xã có 5-6 điểm thường xuyên bị sạt lở vào mùa lũ lụt, khiến giao thông liên lạc giữa người dân với chính quyền xã bị ảnh hưởng. Trong khi đó, ảnh hưởng của thiên tai tới thôn Hà Lạc chủ yếu là cây trồng và nhà ở do cư trú ở địa hình cao hơn so với thôn Mít Cát. Đợt bão lũ tháng 10/2020 dù không gây thiệt hại nặng nề về nhà cửa, người nhưng cũng khiến hơn 100ha cây keo trồng trong thôn bị hư hại, 10 ngôi nhà bị tốc mái.

2. Trở ngại trong phòng chống thiên tai

2.1. Tình trạng nghèo đói

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra vai trò quan trọng của nguồn lực tài chính trong việc phòng chống thiên tai, nhất là đối với những cộng đồng ở vùng miền núi, vùng biên giới không chỉ Việt Nam mà nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp những cộng đồng này lại không có đủ khả năng tài chính để cải tạo những khu ruộng bị bồi lấp sau lũ; thay đổi cây trồng và lịch mùa vụ nhằm phòng chống thiên tai như ở miền Trung Việt Nam (Le Thi Hoa Sen và cộng sự, 2020; Nguyễn Công Thảo, 2023a). Thiếu nguồn lực tài chính cũng là nguyên nhân khiến người dân không đủ điều kiện gia cố nhà cửa hay tái định cư ở những khu vực an toàn hơn như trường hợp ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nguyễn Công Thảo, 2023b). Sự thiếu hụt tài chính khiến phương thức phòng chống thiên tai của nhiều DTTS phải phụ thuộc vào sự hỗ trợ từ chính quyền như trường hợp ở Trung Quốc (Zhang, 2020), trong khi di cư lại là phương thức phổ biến để tìm kiếm nguồn thu nhập thay thế ở một số quốc gia khác như Bangladesh (Saleh Ahmed, Felix, 2019). Điều đó khiến người nghèo chịu nhiều thiệt hại và

trở nên nghèo hơn sau thiên tai - nghiên cứu ở hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế là một ví dụ điển hình (Malin Beckman & My Van Thi Nguyen, 2016). Vì thế việc phòng chống hay ứng phó của họ thường thụ động và thiếu bền vững (Mai Hương Giang, 2013).

Đối với người Bru-Vân Kiều ở huyện Lệ Thủy nói chung, xã Kim Thủy và đặc biệt ở hai thôn Mít Cát và Hà Lạc nói riêng, tình trạng nghèo đói được người dân cho rằng là nguyên nhân chính khiến họ không đủ khả năng tu sửa nhà cửa, đầu tư cho trồng trọt và chăn nuôi, hay di chuyển đến nơi ở mới. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2022 đối với người DTTS ở bình diện quốc gia là 23,7%. Số liệu ở Biểu đồ 1 cho thấy tỷ lệ nghèo chung toàn xã Kim Thủy cũng như hai thôn khảo sát cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ trên. Đặc biệt, tỷ lệ nghèo của người Bru-Vân Kiều tại thôn Mít Cát cao hơn gấp 3 lần so với tỷ lệ chung của người DTTS ở bình diện quốc gia. Theo chuẩn nghèo mà Nghị định 07/2021/NĐ-CP quy định, nếu chỉ xét trên phương diện thu nhập thì một hộ ở vùng nông thôn, miền núi được coi là nghèo khi thu nhập bình quân đầu người trong hộ đó dưới mức 1,5 triệu đồng/tháng². Tính trung bình, có khoảng 3,4 người/hộ ở thôn Mít Cát và 3,2 người/hộ ở thôn Hà Lạc. Điều đó có nghĩa thu nhập trung bình hộ tại Mít Cát phải trên 5,1 triệu đồng và ở Hà Lạc là trên 4,8 triệu đồng để không thuộc diện hộ nghèo. Tuy nhiên, theo ước tính từ việc phỏng vấn một số hộ nghèo tại thôn Mít Cát, thu nhập trung bình của 1 hộ nghèo ở đây mới chỉ đạt khoảng 3,8 triệu đồng, thấp hơn rất nhiều so với mức quy định của Nghị định 07. Trong khi đó, con số này cao hơn ở Hà Lạc, khoảng 4,2 triệu đồng/tháng.

Tình trạng nghèo phổ biến góp phần lý giải vì sao tỷ lệ nhà tạm của người dân ở xã Kim Thủy vẫn còn cao, khoảng 36%. Tỷ lệ này còn cao hơn nhiều đối với người Bru-Vân Kiều ở hai thôn Mít Cát và Hà Lạc. Tại thôn Mít Cát, theo quan sát thực tế, đến đầu năm 2023 vẫn còn trên 70% hộ gia đình người Bru-Vân Kiều sống trong những ngôi nhà tạm, lợp mái tôn và dựng bằng cột gỗ. Đặc biệt, có 10 hộ hiện sống trong nhà gỗ tạm, có diện tích từ 15-20m², nguy cơ sập rất cao khi gió mạnh. Cuối năm 2020, hai hộ nghèo có nhà bị sập nhận được tiền hỗ trợ từ Nhà nước, mỗi hộ 40 triệu đồng. Tuy nhiên, theo ước tính của người dân trong thôn, cần có ít nhất 120 triệu đồng để dựng một ngôi nhà kiên cố với diện tích khoảng 40m². Chính vì thế, dù nhận được hỗ trợ nhưng hai hộ này không thể dựng nhà kiên cố mà chỉ có thể dựng lại hai ngôi nhà tạm, tính rủi ro khi xảy ra bão vẫn không được cải thiện.

Tỷ lệ nghèo ở thôn Hà Lạc thấp hơn gần 50% so với những người đồng tộc ở thôn Mít Cát. Điều đó góp phần lý giải vì sao tỷ lệ nhà tạm ở đây chiếm chưa đến 10%. Quan sát thực tế và xác nhận từ lãnh đạo thôn cho thấy, nhiều nhà xây kiên cố đã được hoàn thành ở Hà Lạc. Những ngôi nhà sàn, nhà gỗ ở thôn Hà Lạc cũng chắc chắn, kiên cố hơn so với ở thôn Mít Cát và điều đó góp phần lý giải số nhà bị sập hay tốc mái trong mùa mưa bão ở đây rất ít. Sau trận lũ lụt tháng 10 năm 2020, tại thôn Hà Lạc có 4 hộ chuyển cư từ mé sông Kiến Giang đến

² Theo tiêu chuẩn nghèo đa chiều thì ngoài yếu tố thu nhập, một hộ được coi là nghèo khi thiếu ít nhất 3 trong số 6 chỉ số sau: việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin.

nơi ở mới cao hơn ở phía bờ tây và xây nhà mới kiên cố hơn tại nơi ở mới. Việc di chuyển này đòi hỏi các hộ phải có điều kiện kinh tế bởi chi phí để di chuyển, dựng nhà mới trung bình của 4 hộ này là 200 triệu đồng. Bên cạnh đó, nhiều hộ gia đình trong thôn cũng nâng nền nhà, gia cố mái nhà khi không thể di chuyển. Trong số 7 hộ gia cố nhà cửa, mỗi hộ cũng phải đầu tư ít nhất khoảng 45 triệu đồng để mua tôn gia cố mái, bổ sung thêm cột nhà. Trong khi đó, dù bị thiệt hại về nhà cửa nặng nề hơn nhưng người Bru-Vân Kiều ở thôn Mít Cát vẫn cư trú tại chỗ và chỉ có duy nhất một hộ có điều kiện gia cố nhà cửa kiên cố hơn. Số còn lại vẫn phải tiếp tục sinh sống trong những ngôi nhà mà nguy cơ bị ngập, tốc mái, sập vẫn hiện hữu.

Điều kiện ngân sách hạn hẹp của địa phương khiến việc xây kè dọc theo suối Long Đại, đoạn chảy qua thôn Mít Cát là nhiệm vụ bất khả thi, nhất là khi thôn lại nằm trong kế hoạch tái định cư (vốn được xây dựng từ năm 2014 nhưng chưa thể thực hiện). Hầu hết diện tích lúa nước, sản của người dân ở thôn Mít Cát nằm dọc suối Long Đại. Trận lụt lịch sử năm 2020 khiến hơn 1/3 diện tích đất canh tác ở khu vực này bị bồi lấp, ảnh hưởng đến hoạt động canh tác của gần 30 hộ. Tuy nhiên, chỉ 10 hộ có khả năng cải tạo diện tích sau mùa lũ bởi chi phí cải tạo đất vượt quá khả năng tài chính của họ. Chia sẻ của một hộ nghèo trong thôn đã phản ánh rõ nét tình trạng này: *“Gia đình tôi bị mất 7 sào đất trồng lúa và sản ở ven suối sau trận lũ tháng 10 năm 2020. Toàn bộ diện tích đã bị cát và đá to bồi lấp. Muốn cải tạo thì phải mất hàng chục triệu đồng mà chúng tôi là hộ nghèo nên không có tiền để thuê máy xúc hay nhân công làm việc đó, buộc phải bỏ hoang. Con trai và con dâu đã phải xuống Đồng Hới để làm thuê”*.

Bên cạnh đó, thiếu khả năng tài chính cũng khiến nhiều hộ dân ở thôn Mít Cát không thể đầu tư mua đường ống dẫn nước từ trên cao hay máy bơm để bơm nước từ sông, suối dẫn đến các khu ruộng tự khai hoang và điều đó khiến họ phải phụ thuộc vào nước mưa. Chính vì thế, năng suất cây trồng bị chi phối nhiều bởi yếu tố thời tiết, thu nhập của người dân trở nên bấp bênh. Điều đó góp phần khiến tình trạng nghèo đói ở đây kéo dài, người dân không có đủ nguồn lực tài chính để gia cố nhà cửa hay chuyển cư đến nơi ở mới an toàn hơn. Trong khi đó, tại thôn Hà Lạc, hầu hết các hộ dân đều đầu tư từ 2-5 triệu đồng để mua đường ống dẫn nước từ sông lên ruộng; hoặc liên kết với nhau để đào kênh, mua máy bơm, đường ống dẫn nước từ sông Kiến Giang lên các khu ruộng và nhờ đó họ chủ động hơn đối với việc tưới tiêu, hạn chế tác hại của hạn hán đến năng suất cây trồng.

2.2. Thiếu đất canh tác và đất ở

Một nghiên cứu tại Lào Cai của Emmanuel và cộng sự (2023) đã chỉ ra sự sẵn có của đất canh tác góp phần giúp người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng sau trận lũ quét năm 2018. Sự chuyển đổi từ cây lúa sang cây hoa màu, quế hay dâu đã giúp người dân duy trì thu nhập từ sản xuất nông nghiệp, hạn chế tác động tiêu cực từ việc các khu ruộng bị bồi lấp bởi lũ quét. Cũng nhờ có quỹ đất dự phòng, việc tái định cư cho người dân đến nơi ở mới an toàn hơn có thể thực hiện được (Phan Phương Anh và cộng sự, 2023). Một nghiên cứu khác tại Thừa Thiên - Huế cũng cho thấy, do thiếu đất ở, đất sản xuất, người dân không thể tái định cư

đến nơi an toàn hơn, cũng như không thể thay thế cây trồng khác mà vẫn phải phát triển diện tích cây keo vốn dễ bị ảnh hưởng khi có bão. Điều đó khiến tính dễ tổn thương của họ trước thiên tai không được cải thiện và việc phòng chống thiên tai vẫn khá bị động (Nguyễn Công Thảo, 2023a).

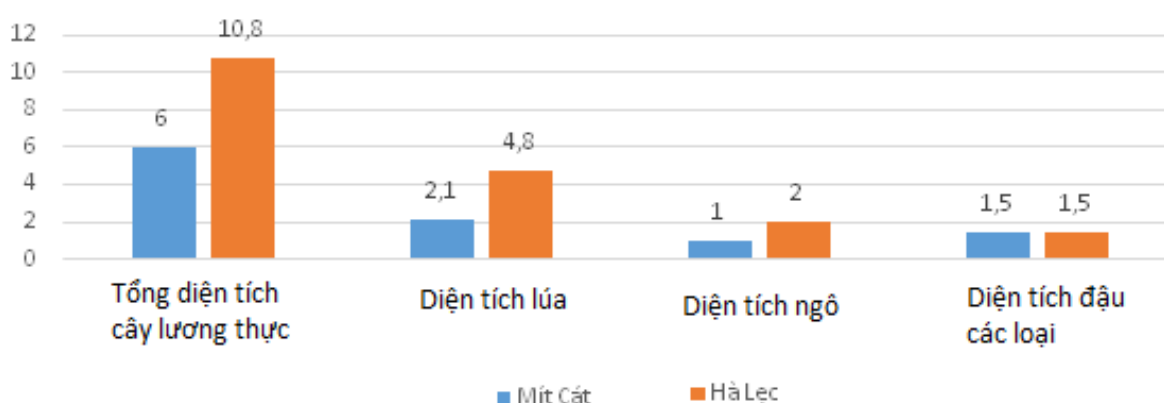
Theo số liệu của Ủy ban nhân dân xã Kim Thủy, tính đến cuối năm 2022, tổng diện tích cây lương thực các loại ở thôn Hà Lạc là 10,8ha, ở thôn Mít Cát là 6ha. Trên thực tế sản là loại cây trồng có diện tích lớn nhất nhưng do người dân trồng rải rác trên đất lâm nghiệp nên chính quyền xã không tiến hành thống kê. Lúa là loại cây trồng có diện tích lớn, với 2,1ha ở thôn Mít Cát và 4,8ha ở thôn Hà Lạc. Nếu chia số diện tích này cho bình quân số hộ thì con số sẽ là 0,02ha ở thôn Mít Cát và 0,08ha ở thôn Hà Lạc. So với diện tích lúa nước trung bình cả xã (0,06ha) có thể thấy diện tích lúa nước ở thôn Mít Cát khá thấp. Kết quả thảo luận nhóm cho thấy chỉ 12,5% số hộ tại thôn Mít Cát có đất trồng lúa và con số này là 40% ở thôn Hà Lạc. Theo đánh giá của người dân, diện tích này quá ít và chưa đủ đảm bảo an ninh lương thực cho hộ gia đình ngay cả khi chỉ tính trung bình có 4 người/hộ. Điều đó góp phần lý giải hầu như 100% các hộ ở hai thôn phải mua thêm gạo và ngay cả với hộ có đất lúa, hầu hết chỉ đủ gạo ăn tối đa 6 tháng/năm. Điều đáng nói là hầu hết diện tích trồng lúa này nằm ở vùng thấp, ven sông, suối và không ngừng bị bồi lấp hàng năm do lũ lụt, sạt lở đất. Ngoài đất lúa, người dân chỉ còn rất ít diện tích đất để trồng cây hoa màu, nằm rải rác trên đồi, ven khe nước nhưng không chủ động được nguồn tưới, tiêu. Sự manh mún về diện tích đất nông nghiệp là nguyên nhân chính dẫn đến việc người dân không thể chuyển đổi cơ cấu cây trồng như hai nghiên cứu ở Lào Cai đã chỉ ra (Emmanuel và cộng sự, 2023; Phan Phương Anh và cộng sự, 2023).

Thiếu đất sản xuất khiến người dân ở hai thôn phải trồng sản, cây lấy gỗ trên đất lâm nghiệp. Hoạt động này là trái phép xét về mặt pháp lý. Hầu hết người dân ở thôn Mít Cát không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên các nương sản cũng như khu vực trồng keo, trong khi tỷ lệ này ở Hà Lạc mới chỉ chiếm khoảng 35% diện tích đang canh tác. Thực trạng này bị quy định bởi lịch sử cư trú, canh tác của người dân cũng như công tác quy hoạch, quản lý đất lâm nghiệp của tỉnh. Từ năm 2020 trở lại đây, việc bán gỗ keo trở nên khó khăn do người dân không thể xin giấy phép từ kiểm lâm bởi họ trồng keo trên đất của các lâm trường. Điều đó khiến người dân bức xúc vì không có tiền để gia cố nhà cửa hay đầu tư cải tạo ruộng bị bồi lấp bởi lũ lụt. Chia sẻ của một phụ nữ trung niên người Bru-Vân Kiều ở thôn Mít Cát đã phản ánh tình trạng chung của nhiều người dân trong thôn: *“Cha ông chúng tôi canh tác trên đất đó bao đời nay. Chúng tôi thừa hưởng đất từ ông bà và tiếp tục trồng cây. Chúng tôi không được biết đất đó giờ đã được giao cho lâm trường. Khi chúng tôi trồng thì không ai nói gì, chăm sóc bao năm cũng không ai hỏi thăm. Vậy mà thu hoạch để bán thì người ta không cấp giấy chứng nhận, khiến không ai dám mua”*.

Thiếu đất canh tác cũng khiến người dân ở hai thôn không thể đa dạng cơ cấu cây trồng, thay đổi lịch mùa vụ để phòng chống thiệt hại do thiên tai có thể gây ra. Có thể chỉ ra một ví

dụ: sắn là cây lương thực có diện tích lớn nhất ở bản Mít Cát, thu hoạch trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 12. Tuy nhiên, đây cũng là thời điểm mưa nhiều. Trong năm 2020, do mưa bão kéo dài, hầu hết diện tích sắn không thể thu hoạch và bị hư hại, sản lượng sắn chỉ còn khoảng 3-4 tấn/ha, khoảng 30% so với năng suất trung bình. Dù ý thức được rủi ro này nhưng người dân cũng không thể trồng loại cây khác, bởi theo họ đất đã trồng sắn không thể cải tạo để trồng cây lương thực khác, trừ khi phải đầu tư rất nhiều tiền để mua phân bón mà điều này vượt quá khả năng tài chính của họ. Bên cạnh đó, thiếu đất canh tác khiến người Bru-Vân Kiều ở hai thôn Mít Cát và Hà Lạc phải tìm kiếm phương thức mưu sinh khác để tăng thêm thu nhập. Di cư là là phương án phổ biến ở thôn Mít Cát. Tính đến đầu năm 2023, có khoảng 40 người độ tuổi 18-35 trong hai thôn đi làm ăn xa ngoại tỉnh. Xu hướng này giống như người đồng tộc của họ ở huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã được chỉ ra trong một nghiên cứu trước đó (Nguyễn Công Thảo, 2023b). Hầu hết những người di cư thuộc nhóm thanh niên hoặc trung niên và điều đó khiến trẻ em và người già tại hai thôn này trở nên dễ bị tổn thương hơn do bão lũ.

Biểu đồ 2: Diện tích cây lương thực ở hai thôn khảo sát (ha)



Nguồn: Ủy ban nhân dân xã Kim Thủy, 2023

Bên cạnh việc thiếu đất sản xuất, việc thiếu quỹ đất để tái định cư cho người dân ra khỏi những khu vực có nguy cơ rủi ro cao do thiên tai cũng là một vấn đề đáng quan ngại. Dù là một xã vùng cao nhưng Kim Thủy không còn diện tích đất ở dự phòng, trong khi hầu hết diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn xã, khu vực phù hợp cho việc định cư đều thuộc quyền quản lý của các lâm trường hay ban quản lý rừng phòng hộ. Chính quyền xã Kim Thủy cho biết, từ năm 2014 khi phát hiện vết nứt địa chất lớn trên địa bàn thôn Mít Cát, tiềm ẩn nguy cơ sạt lở cao, Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng kế hoạch di chuyển các hộ dân tại thôn Mít Cát đến một vị trí cao hơn, cách thôn hiện tại chừng 8km. Chính quyền dự kiến sẽ xin chuyển đổi khoảng 40ha đất rừng tự nhiên thành đất ở cho điểm tái định cư. Tuy nhiên, điểm dự kiến tái định cư hiện là đất rừng tự nhiên do lâm trường Long Đại quản lý; vì thế cần chờ được phê duyệt từ Chính phủ. Sau trận lũ 2020, nhu cầu chuyển cư càng trở nên cấp thiết và người dân luôn

nhân mạnh điều này với tác giả bài viết trong các cuộc trò chuyện. Nhiều văn bản kiến nghị gửi từ thôn, Ủy ban nhân dân xã lên các cấp cao hơn nhưng cho đến đầu năm 2023, kế hoạch tái định cư này vẫn chưa thể triển khai do quyết định thu hồi đất đối với chủ rừng hiện tại chưa được phê duyệt.

Tình trạng thiếu đất để tái định cư cho người dân ra khỏi những nơi dễ bị rủi ro bởi thiên tai cũng được ghi nhận ở thôn Hà Lạc. Đến đầu năm 2023, có 21 trong tổng số 59 hộ của thôn sống ở bờ đông sông Kiến Giang và 38 hộ sống ở bờ tây - nơi có địa hình cao hơn, có đường giao thông kết nối với trung tâm xã và huyện. Do chưa có cầu bắc qua sông, việc đi lại chủ yếu bằng thuyền hoặc xe máy, hay lội nước ở khu vực nước thấp. Khi mùa lũ đến, mực nước cao và chảy xiết, 21 hộ ở bờ đông hoàn toàn bị cô lập bởi việc qua lại bằng thuyền hết sức nguy hiểm. Trận lũ lụt tháng 10 năm 2020 đã cô lập 21 hộ này trong gần 2 tuần, điều này khiến họ muốn chuyển cư sang phía bờ tây. Tuy nhiên, nhờ vị trí thuận lợi, gần đường giao thông hơn, giá trị đất ở phía bờ tây được định giá cao hơn và nếu các hộ phía bờ đông muốn chuyển đổi đất ở với các hộ phía bờ tây thì phải chấp nhận phương án một đổi hai. Như đã trình bày ở phần trước, sau trận lụt 2020, đã có 4 hộ chấp nhận đổi đất với các hộ phía bờ tây theo mức 200m² đất phía bờ đông lấy 100m² phía bờ tây. Tuy nhiên, vị trí đất phía bờ đông phải nằm ở địa thế cao, không bị ngập trong mùa lũ thì mới được xem xét trao đổi. Trong khi đó, tính đến đầu năm 2023, các hộ phía bờ tây cũng không còn đất ở để trao đổi hoặc nếu có, họ cũng muốn để dành cho thế hệ sau.

2.3. Chính sách hỗ trợ từ chính quyền địa phương

Nghiên cứu của Emmanuel và cộng sự (2023) đã cho thấy sự hỗ trợ của chính quyền xã Nghĩa Đô (huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai) đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường khả năng phòng chống thiên tai cho người dân thông qua việc tiến hành kê gia cố hơn 1.000m dọc khu vực bờ sông dễ bị sạt lở. Bên cạnh đó, hệ thống thông tin cảnh báo lượng mưa trên nền tảng kỹ thuật số cũng được cung cấp để cán bộ địa phương có thể cập nhật qua điện thoại. Sau trận lũ quét năm 2008, 24 hộ dân bị ảnh hưởng nhà ở tại xã Trịnh Tường (huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai) cũng đã được chính quyền địa phương hỗ trợ đất tái định cư, gỡ dỡ dựng nhà khi chuyển đến nơi ở mới. Điều đáng nói là những lô đất phục vụ tái định cư thuộc về tư nhân, được chính quyền xã vận động chủ đất trao tặng và người nhận chỉ phải trả 1,2 triệu đồng cho khoảng 400m² đất ở cùng với đền bù giá trị cây trồng trên đất (Phan Phương Anh và cộng sự, 2023). Những hỗ trợ trên đã giúp người dân yên tâm định cư, tiếp tục canh tác.

Trong khi đó, các hoạt động hỗ trợ phòng chống thiên tai tại xã Kim Thủy vẫn còn khá hạn chế. Tại xã Kim Thủy, trong mùa bão lũ hoặc khi mưa kéo dài, 6 thôn/bản dọc sông Long Đại (Ho Rum, Mít Cát, Hà Lạc, Chuôn, Trung Đoàn, Bang) thường bị chia cách, người dân không thể di chuyển đến trung tâm xã; tình trạng sạt lở đất cũng diễn ra hàng năm. Tuy nhiên, việc kê bờ ở những nơi có nguy cơ sạt lở cao vẫn chưa được tiến hành do thiếu kinh phí. Từ năm 2014, chính quyền xã Kim Thủy đã nhận thức được nguy cơ, ngập lụt, sạt lở cao ở khu

vực thôn Mít Cát, nhất là sau khi một vết nứt địa chất được phát hiện trên địa bàn thôn vào cùng năm. Một dự án tái định cư đã được xây dựng nhưng sau 10 năm dự án này vẫn chưa được triển khai do việc phê duyệt chuyển đổi đất rừng tự nhiên sang đất ở nằm ngoài thẩm quyền của chính quyền xã. Tại thôn Hà Lạc, dù 21 hộ dân ở phía bờ đông sông Kiến Giang mong muốn chuyển cư về phía bờ tây nhằm tránh bị cô lập, ngập khi có bão lũ nhưng việc bố trí đất tái định cư cũng không thể thực hiện do hầu hết diện tích đất có thể quy hoạch làm đất ở là đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, hiện do các lâm trường hoặc ban quản lý rừng quản lý.

Bên cạnh đó, do chính sách quản lý rừng nên việc người dân xin khai thác gỗ với mục đích gia cố nhà cửa cũng hết sức khó khăn và ngoài thẩm quyền của chính quyền xã. Điều đó dẫn đến tình trạng khai thác gỗ trái phép vẫn diễn ra và như một số người dân phản ánh: “*Ai trộm khéo thì vẫn được*”. Thiếu hỗ trợ từ chính quyền địa phương trong việc cung cấp đất tái định cư, vật liệu để gia cố nhà cửa nên người dân, đặc biệt là các hộ nghèo không đủ năng lực để tiến hành các hoạt động phòng chống thiên tai một cách hiệu quả, chủ động. Các hộ dân ở thôn Mít Cát phải sống trong tâm lý không yên tâm vì rủi ro sạt lở đất, ngập lụt hết sức rõ ràng. Định mức hỗ trợ đối với hộ có nhà bị sập sau bão lũ của chính quyền, theo đánh giá của người dân, thấp hơn chi phí thực tế cần thiết để dựng lại nhà mới (40 triệu đồng hỗ trợ so với khoảng 150-200 triệu đồng chi phí thực tế).

Không chỉ hạn chế trong việc cung cấp các hỗ trợ liên quan trực tiếp đến việc phòng chống, khắc phục hậu quả của thiên tai, một số chính sách liên quan khác cũng được người dân cho rằng gián tiếp ảnh hưởng tới mức độ rủi ro trước thiên tai. Trước năm 2000, hầu hết diện tích đất lâm nghiệp ở Kim Thủy do Ủy ban nhân dân xã quản lý, người dân được canh tác cây lương thực trên những mảnh đất do thế hệ trước để lại. Từ năm 2000, khi hầu hết diện tích đất lâm nghiệp được chuyển giao cho các lâm trường khiến người dân không được phép mở rộng diện tích đất canh tác. Việc canh tác của họ trên diện tích đất cũ vẫn được cho phép nhưng người dân không biết rõ thời điểm không được tiếp tục sản xuất, khiến họ không muốn đầu tư, cải tạo đất. Đa số người dân ở thôn Mít Cát chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất ở (trừ một số ít đã được cấp vào năm 2014). Tình trạng này cũng diễn ra đối với đa phần diện tích đất trồng keo. Người dân nghĩ mình đang canh tác trên đất của gia đình (do cha ông để lại) mà không hề biết những diện tích đó đã được giao cho các lâm trường quản lý. Họ chỉ biết được thông tin này khi cây keo đến tuổi thu hoạch. Theo quy định của Thông tư 27 “Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản” do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành năm 2018, để có thể bán lâm sản, người dân phải chuẩn bị hồ sơ xin xác nhận bảng kê lâm sản để kiểm lâm địa phương xác nhận. Một trong nhiều điều kiện quan trọng là người dân phải chứng minh nguồn gốc lâm sản, tức là việc chúng được khai thác trên đất mà họ có quyền sử dụng. Quy định này khiến nhiều người dân trong thôn không thể bán gỗ keo do không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Những rào cản trên ảnh hưởng đến thu nhập của người dân và qua đó khiến họ thiếu nguồn lực tài chính để gia cố nhà

cửa, đa dạng hóa sinh kế nhằm giảm thiểu mức độ phụ thuộc vào tự nhiên hay thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra.

Kết luận

Những phân tích trong bài viết cho thấy người Bru-Vân Kiều ở xã Kim Thủy phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc phòng chống thiên tai. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, trong đó, bài viết đã chỉ ra 3 yếu tố chính bao gồm: tình trạng nghèo đói, thiếu đất đai và chính sách. Trong khi thiên tai có xu thế diễn ra ngày càng khó dự báo và mức độ thiệt hại có thể nghiêm trọng hơn trong tương lai, nhiều hộ dân ở hai thôn Mít Cát và Hà Lọc vẫn chưa thể đưa ra biện pháp phòng chống thiên tai một cách bền vững và hiệu quả nhất. Thiếu đất để tái định cư đến nơi ở an toàn hơn trước rủi ro sạt lở đất, ngập lụt là trở ngại lớn nhất mà người dân ở cả hai thôn đang phải đối mặt. Điều đáng nói là trở ngại này lại tồn tại ở một xã vùng cao, nơi đất đai vốn không phải là nguồn lực quá khó để chuyển đổi, nhất là khi diện tích phục vụ tái định cư chỉ vài chục ha. Minh chứng trong bài viết đã cho thấy hoạt động phòng chống thiên tai cần sự linh hoạt, chủ động hơn nữa trong việc thực thi các chính sách liên quan đến quản lý đất lâm nghiệp. Bên cạnh đó, tình trạng nghèo đói phổ biến khiến người dân không có đủ nguồn lực tài chính để tiến hành các biện pháp gia cố nhà cửa, đa dạng hóa hoạt động sinh kế nhằm phòng chống một cách hiệu quả hơn trước những rủi ro mà thiên tai có thể đem lại. Điều đó cho thấy phương thức phòng chống thiên tai dựa vào cộng đồng chỉ hiệu quả khi người dân có đầy đủ các nguồn lực cần thiết mà ba yếu tố được trình bày trong bài viết này là ví dụ điển hình.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Phương Anh, Emmanuel Pannier, Nguyễn Nhật Anh, Phan Thị Kim Tân (2023), “Đa dạng ứng phó về cư trú và sinh kế sau thảm họa thiên tai ở vùng cao phía bắc Việt Nam: Trường hợp thôn Tùng Chín, xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 3, tr. 35-51.
2. Bùi Quang Bình (2021), *Sinh kế của người dân trong bối cảnh thiên tai và biến đổi khí hậu: Trường hợp vùng Nam Trung bộ*, Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Viện Nghiên cứu phát triển bền vững Vùng.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2024), *Báo cáo tổng kết Hội nghị tổng kết công tác năm 2023 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2024*, Hà Nội.
4. Vũ Văn Doanh và cộng sự (2020), “Đánh giá tác động của một số loại hình thiên tai tới cộng đồng ở Quảng Bình”, *Tạp chí Khoa học, Tài nguyên và Môi trường*, số 4, tr. 12-23.
5. Emmanuel Pannier, Phan Thị Kim Tân (2023), “Ứng phó sau lũ quét ở miền núi Việt Nam: nắm bắt các thực hành thích ứng thông qua tiếp cận chuỗi liên tục”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 2, tr. 12-34.

6. Gailard, J. (2007), “Resilience of traditional societies in facing natural hazards”, *Disaster Prevention and Management*, Vol. 16(4), pp. 522-544, <https://doi.org/10.1108/09653560710817011>.
7. Mai Hương Giang (2013), “Đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc chủ động ứng phó với rủi ro thiên tai trong sản xuất và đời sống”, *Tạp chí Cộng sản*, chuyên đề 82, tr. 61-64.
8. Malin Beckman & My Van Thi Nguyen (2016), “Upland development, climate related risk and institutional conditions for adaptation in Vietnam”, *Climate and Development*, Vol. 8(5), pp. 413-422, <https://doi.org/10.1080/17565529.2015.1067178>.
9. Le Thi Hong Phuong, Biesbroek, G.B., Le Thi Hoa Sen, Arjen, E.J.W. (2017), “Understanding smallholder farmers’ capacity to respond to climate change in a coastal community in Central Vietnam”, *Climate and Development*, Vol 10, No 8, <https://doi.org/10.1080/17565529>, pp. 701 - 716.
10. Saleh Ahmed, Felix Ampadu (2019), “How do the perceptions of natural hazards influence migration decisions among ethnic minority farmers? Insights from coastal Bangladesh”, In Fernando I. Rivera (Ed.): *Emerging Voices in Natural Hazards Research*, Butterworth-Heinemann, pp. 411-426, <https://doi.org/10.1016/B978-0-12-815821-0.00023-0>.
11. Le Thi Hoa Sen, Dang Thu Phuong (2017), “Indigenous knowledge and experience in adapting to drought in Vietnam”, In Jonathan Ensor, Rachel Berger, Saleemul Huq (Eds.): *Community-based adaptation to climate change: Emerging lessons*, Hobbs the printers, United Kingdom, pp. 165-180.
12. Le Thi Hoa Sen, Jennifer Bond, Alexandra Winkels, Nguyen Hoang Khanh Linh, Nguyen Tien Dung (2020), “Climate change resilience and adaption of ethnic minority communities in the upland area in Thừa Thiên-Huế province, Vietnam”, *Journal of Life Sciences*, 92 (2020), <https://doi.org/10.1016/j.njas.2020.100324>.
13. Sơn Thanh Tùng, Nguyễn Hoàng Mỹ Lan, Nguyễn Hải Nguyên, Ngô Thị Thu Trang, Bùi Thị Minh Hà, Đặng Nguyễn Thiên Hương, Phan Đình Bích Vân (2020), “Nhận diện mạng lưới xã hội tại các cộng đồng đô thị ven biển khu vực Nam Trung Bộ trong ứng phó với thiên tai”, *Tạp chí Nghiên cứu phát triển bền vững Vùng*, số 3, quyển 10, tr. 134-146.
14. Ngô Quang Sơn (2019), *Phát triển mô hình thông tin, giáo dục và truyền thông nâng cao năng lực phòng tránh thiên tai của cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
15. Nguyễn Công Thảo (2023a), “Những yếu tố khiến người dân dễ bị tổn thương do thiên tai ở xã Lâm Đốt, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 2, tr. 3-12.

16. Nguyễn Công Thảo (2023b), “Vai trò của giới tinh hoa trong việc thúc đẩy năng lực ứng phó với thiên tai cho người dân ở huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 2, tr. 88-104.

17. Ủy ban nhân dân xã Kim Thủy (2022), *Báo cáo tổng kết kinh tế xã hội năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023*.

18. Nguyễn Văn Việt (2019), *Thiên tai từ biển và các giải pháp ứng phó trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở Việt Nam*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

19. Ylipää, Josephine & Gabrielsson, Sara & Jerneck, Anne (2019), “Climate Change Adaptation and Gender Inequality: Insights from Rural Vietnam”, *Sustainability*, Vol 11, pp. 1 – 16, <https://doi.org/11.2805.10.3390/su11102805>.

20. Zhang, CM (2020), “Seismic risk-coping behavior in rural ethnic minority communities in Dali, China”, *Nat Hazards*, Vol. 103, pp. 3499-3522, <https://doi.org/10.1007/s11069-020-04140-3>.



Ngôi nhà mới dựng lại sau trận lũ ở thôn Mít Cát, xã Kim Thủy,
huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

Ảnh: Nguyễn Công Thảo, chụp tháng 3/2022